

KINH TẶNG NHẤT A-HÀM

Hán dịch: Đời Đông Tấn, Tam tạng Cù-dàm Tăng-già-đề-bà, người nước Kế Tân.

QUYỂN 31

Phẩm 38: SỨC LỰC (1)

KINH SỐ 1¹

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Có sáu loại sức mạnh phàm thường. Sao gọi là sáu?

1. Trẻ con dùng tiếng khóc làm sức mạnh, muốn nói điều gì cốt trước phải khóc.
2. Người nữ dùng sân hận làm sức mạnh, nổi sân hận rồi sau đó mới nói.
3. Sa-môn, Bà-la-môn dùng nhẫn nhục làm sức mạnh, thường nghĩ tự hạ mình và hạ mình đối với người sau đó mới trình bày.
4. Quốc vương dùng kiêu ngạo làm sức mạnh, dùng thế lực cường hào để nói chuyện.
5. Song A-la-hán dùng sự tinh chuyên làm sức mạnh để nói chuyện.
6. Chư Phật Thế Tôn thành tựu đại Từ bi, dùng đại Bi làm sức mạnh để làm lợi khắp chúng sinh.

Này các Tỳ-kheo, đó gọi là có sáu sức mạnh đời thường này. Cho nên, các Tỳ-kheo hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 2

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Các ông hãy tư duy về tướng vô thường, phát triển tướng vô thường, đoạn hết ái Dục giới, ái Sắc giới, ái Vô sắc giới, cũng đoạn vô minh, kiêu mạn. Giống như lấy lửa đốt cây cỏ, cháy sạch hết không còn lưu dấu vết nào. Ở đây cũng như vậy, nếu tu tướng vô thường, dứt sạch Dục ái, Sắc ái và Vô sắc ái, vô minh, kiêu ngạo, viển không còn tàn dư. Vì sao? Vì khi Tỳ-kheo tu tướng vô thường thì không có tâm dục. Do không có tâm dục nên có thể phân biệt Pháp, tư duy nghĩa của nó, không có sầu lo khổ não. Do tư duy nghĩa pháp thì tu hành không còn ngu si, sai lầm. Nếu thấy có ai tranh cãi, vị ấy liền tự nghĩ: “Các Hiền sĩ này không tu tướng vô thường, không phát triển tướng vô thường cho nên đưa đến tranh cãi này. Vị ấy do tranh cãi, không quán

¹. Pāli, A.VII. 27 Bala (R. iv. 223).

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

nghĩa của nó. Do không quán nghĩa của nó nên tâm mê lầm. Vị ấy đã chấp vào sai lầm này nên khi chết rơi vào trong ba đường dữ là ngã quỷ, súc sinh, địa ngục. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tu tưởng vô thường và phát triển tưởng vô thường, liền không còn tưởng sân hận, ngu si, cũng có thể quán pháp và quán nghĩa của nó. Nếu sau khi chết sẽ sinh về ba đường lành trời, người và dẫn đến Niết-bàn.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 3²

Nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại bên bờ sông Ưu-ca-chi³. Bấy giờ, Thế Tôn đến dưới một gốc cây, tự trải tọa cụ mà ngồi, chánh thân, chánh ý, buộc niệm trước mặt.

Lúc ấy, có một Phạm chí⁴ đến chỗ kia. Thấy dấu chân của Thế Tôn rất kỳ diệu, Phạm chí liền tự nghĩ: “Đây là dấu chân của người nào, là Trời, Rồng, Quỷ thần, Càn-đạp-hòa, A-tu-luân, người hay phi nhân hay là Phạm thiên tổ tiên của ta?” Lúc ấy, Phạm chí liền theo dấu chân mà đi tới, từ xa trông thấy Thế Tôn ngồi dưới một gốc cây chánh thân, chánh ý, buộc niệm trước mặt. Thấy vậy, bèn hỏi:

–Ông là vị trời chăng?

Thế Tôn bảo:

–Ta chẳng phải là trời.

–Là Càn-đạp-hòa chăng?

Thế Tôn đáp:

–Ta cũng chẳng phải là Càn-đạp-hòa.

–Là rồng chăng?

Đáp:

–Ta chẳng phải là rồng.

–Là Dược-xoa chăng?

Phật bảo Phạm chí:

–Ta chẳng phải là Dược-xoa.

–Là Tổ phụ chăng?

–Ta chẳng phải là Tổ phụ.

Lúc ấy, Bà-la-môn hỏi Thế Tôn:

–Nay Ngài là ai?

Thế Tôn nói:

–Người có ái thì có thủ⁵, có thủ thì có tham ái, nhân duyên hội hợp sau đó từng cái sinh ra nhau như vậy, như vậy, năm khổ thành ấm không bao giờ chấm dứt. Vì đã biết ái

2. Pāli, A.VI 36 Doṇa (R. ii.38). Hán, Tạp 4, kinh 101.

3. Ưu-ca-chi 憂迦支江水. Pāli: Ukaṭṭhā, một thị trấn ở Kosala.

4. Bà-la-môn Doṇa.

5. Nguyên Hán: Thọ.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

rồi, thì biết năm dục, cũng biết sáu trần ngoài và sáu nhập trong, tức biết gốc ngọn thanh ấm này.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Thế gian có ngũ dục
Ý là vua⁶ thứ sáu
Biết sáu pháp trong ngoài
Nên niệm diệt gốc khổ.*

Cho nên phải tìm phương tiện diệt trừ sáu sự trong ngoài. Phạm chí, hãy học điều như vậy.

Phạm chí nghe Phật dạy như vậy, tư duy nghiền ngẫm, ôm ấp trong tâm không rời, liền từ trên chỗ ngồi dứt sạch trần cấu, được mắt pháp trong sạch.

Bấy giờ Phạm chí nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 4

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

–Xưa, trong lúc Ta còn là Bồ-tát, chưa thành Phật đạo, có nghĩ như vậy: “Thế gian này rất là cần khổ, có sinh, có già, có bệnh, có chết, mà năm thanh ấm này không hết được nguồn gốc.” Lúc ấy, Ta lại tự nghĩ: “Vì nhân duyên gì mà có sinh, già, bệnh, chết, lại vì nhân duyên gì đưa đến tai họa này?” Trong khi đang tư duy, lại sinh nghĩ như vậy: “Có sinh thì có già, bệnh, chết.”

Trong lúc đang tư duy, bấy giờ lại tự nghĩ: “Vì nhân duyên gì có sinh?” Ở đây, do hữu mà có sinh. Lại tự nghĩ như vậy: “Hữu do đâu mà có?” Trong khi đang tư duy, lại tự nghĩ như vậy: “Hữu này do thủ* mà có hữu.” Lại tự nghĩ: “Thủ này do đâu mà có?” Bấy giờ, Ta dùng trí quán sát: “Do ái mà có thủ.” Lại tư duy nữa: “Ái này do đâu mà sinh?” Lại quán sát nữa: “Do thọ mà có ái.” Lại tư duy nữa: “Thọ này do đâu mà sinh?” Trong khi đang quán sát: “Do xúc mà có thọ này.” lại tự nghĩ tiếp: “Xúc này do đâu mà có?” Lúc Ta khởi niệm này: “Duyên sáu nhập mà có sự xúc này.” thời Ta lại tư duy: “Sáu nhập này do đâu mà có?” Lúc quán sát: “Do danh sắc mà có sáu nhập.” thì Ta lại tự nghĩ: “Danh sắc do đâu mà có?” Khi quán sát: “Do thức mà có danh sắc.” thì Ta lại tự nghĩ: “Thức do đâu mà có?” Khi quán sát: “Do hành sinh thức.” Thì Ta lại tự nghĩ: “Hành do đâu mà sinh?” Khi quán sát, lại thấy: “Hành do si mà sinh.”

Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu nhập, sáu nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sinh, sinh duyên chết, chết duyên buồn rầu khổ não không thể nói hết. Đó gọi là sự tập khởi của khổ thanh ấm như vậy.

Bấy giờ, Ta lại tự nghĩ: “Do nhân duyên gì già, bệnh, chết diệt?” Khi Ta quan sát,

⁶. Để bản: Sinh 生. TNM: Vương 王. Cf. Tứ Phần 32 (tr. 791c14): Đệ lục vương vi thượng 第六王為上.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

thấy rằng: “Sinh diệt thì già, bệnh, chết diệt.” Ta lại tự nghĩ như vậy: “Do đâu mà không sinh?” Quán sát gốc của sinh thì thấy: “Hữu diệt thì sinh diệt.” Ta lại nghĩ: “Do đâu không có hữu?” Lại tự nghĩ như vậy: “Không thủ thì không hữu.” Ta lại nghĩ: “Do đâu mà thủ diệt?” Khi Ta quán sát, thấy rằng: “Ái diệt thì thủ diệt.” Lại tự nghĩ như vậy: “Do gì mà diệt ái?” Ta lại quán sát thấy: “Thọ diệt thì ái diệt.” Lại tư duy: “Do gì mà thọ diệt?” Khi quán sát thấy: “Xúc diệt thì thọ diệt.” Lại tư duy: “Do gì mà xúc diệt?” Lúc quán sát thấy: “Sáu nhập diệt thì xúc diệt.” Lại quán sát: “Sáu nhập này do gì mà diệt?” Lúc đang quán sát thấy: “Danh sắc diệt thì sáu nhập diệt.” Lại quán sát: “Do gì danh sắc diệt? Thức diệt thì danh sắc diệt.” Lại quán: “Thức này do gì mà diệt?” Hành diệt thì thức diệt.” Lại quán: “Hành này do gì mà diệt?” Si diệt thì hành diệt. Hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì sáu nhập diệt, sáu nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sinh diệt, sinh diệt thì già, bệnh, diệt; già bệnh diệt thì tử diệt. Đó gọi là năm thanh ấm diệt.

Bấy giờ, Ta lại tự nghĩ như vậy: “Thức này là đầu mối tối sơ đưa con người đến sinh, già, bệnh, chết này, nhưng lại không thể biết nguồn gốc của sinh, già, bệnh, chết này.” Giống như có người ở trong rừng đi theo con đường nhỏ, đi tới trước một chút thì gặp một con đường lớn cũ, là nơi ngày xưa mọi người đi trên đó. Lúc này, người ấy liền đi theo con đường đó, đi tới trước một chút nữa lại thấy thành quách xưa, vườn cảnh ao tắm thấy đều rất tốt tươi. Nhưng trong thành kia không có người ở. Người này thấy rồi, quay trở về bổn quốc, đến trước tâu vua: “Hôm qua dạo chơi núi rừng, tôi gặp thành quách tốt, cây cối sum suê tươi tốt, nhưng trong thành ấy không có người dân. Đại vương hãy cho nhân dân đến cư trú ở thành kia.”

Nghe người ấy nói xong, bấy giờ quốc vương liền cho nhân dân ở. Nhờ vậy thành quách này trở lại như xưa, nhân dân đông đúc, vui vẻ vô cùng.

Các Tỳ-kheo, nên biết, khi xưa lúc Ta chưa thành Bồ-tát, học đạo ở trong núi, thấy nơi chốn du hành của chư Phật xa xưa, liền theo con đường này, liền biết được nguồn gốc sinh khởi của sinh, già, bệnh, chết. Có sinh thì có diệt, thấy đều phân biệt, biết sinh khổ, sinh tập, sinh diệt và sinh đạo, thấy đều biết rõ ràng. Hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập, danh sắc, thức, hành, si cũng lại như vậy. Vô minh khởi thì hành khởi, những gì được hành tạo lại do thức. Nay Ta đã biết rõ thức, nên nay vì bốn bộ chúng mà nói về gốc này; tất cả đều phải biết chỗ phát sinh nguồn gốc này: Biết Khổ, biết Tập, biết Diệt, biết Đạo, hãy suy niệm cho rõ ràng. Đã biết lục nhập thì biết sinh, già, bệnh, chết; lục nhập diệt thì sinh, già, bệnh, chết diệt. Cho nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm cầu phương tiện diệt trừ lục nhập.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.

M

KINH SỐ 5

Nghe như vậy:

Một thời, Đức Phật ở trong vườn Kỳ-đà Cấp cô độc, nước Xá-vệ. Bấy giờ, Thế Tôn

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

đang thuyết pháp cho vô số, trăm ngàn vạn chúng. Khi ấy, A-na-luật ở trên chỗ ngồi kia. A-na-luật ở giữa đại chúng mà ngủ gục. Khi Phật thấy A-na-luật ngồi ngủ, liền nói kệ này:

*Nghe pháp ưa ngủ nghỉ
Ý không có thác loạn
Những pháp Hiền thánh nói
Là điều kẻ trí ưa.
Giống như hồ nước sâu
Lắng trong không bọt dơ
Người nghe pháp như vậy
Hưởng vui, tâm thanh tịnh.⁷
Cũng như tảng đá lớn
Gió lay không thể động
Như vậy, được khen chê
Tâm không có dao động.⁸*

Lúc ấy, Thế Tôn bảo A-na-luật:

– Ông sợ pháp vua và sợ giặc cướp mà hành đạo sao?

A-na-luật đáp:

– Thưa không, Thế Tôn!

Phật hỏi A-na-luật:

– Vì sao ông xuất gia học đạo?

A-na-luật bạch Phật:

– Vì ghê tởm già, bệnh, chết, buồn rầu, khổ não này. Vì bị khổ bức bách, muốn dứt bỏ, cho nên xuất gia học đạo.

Thế Tôn bảo:

– Nay ông là thiện gia nam tử với lòng tin kiên cố xuất gia học đạo. Hôm nay chính Thế Tôn đang thuyết pháp, vì sao ở trong đây ngủ gục?

Lúc ấy, Tôn giả A-na-luật liền rời chỗ ngồi đứng dậy, vén áo bày vai phải, quỳ gối, chắp tay bạch Phật:

– Từ nay về sau, thân thể tan nát, con quyết cũng không ngồi trước Thế Tôn mà ngủ gục.

Lúc ấy, Tôn giả A-na-luật suốt đêm đến sáng không ngủ, nhưng không thể trừ được mê ngủ, nhãn căn dần dần tổn thương.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-na-luật:

– Sự nỗ lực tinh tấn của ông tương ứng với trạo cử. Nếu lại biếng nhác, thì nó tương ứng với kết. Hành trì của người hiện nay là nên ở giữa.

A-na-luật bạch Phật:

– Ở trước Như Lai con đã thề, nay không thể làm ngược lại bản nguyện.

Sau đó, Thế Tôn bảo Kỳ-vực:

– Hãy chữa trị mắt cho A-na-luật.

Kỳ-vực đáp:

– Nếu A-na-luật chịu ngủ nghỉ chút ít thì con mới chữa mắt được.

⁷. Dhp. 82.

⁸. Pháp cú Pāli, Dhp. 81.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

Thế Tôn bảo A-na-luật:

–Ông nên ngủ. Vì sao? Tất cả pháp do ăn mà tồn tại, không ăn thì không tồn tại. Mắt lấy ngủ nghỉ làm thức ăn. Tai lấy âm thanh làm thức ăn. Mũi lấy mùi thơm làm thức ăn. Lưỡi lấy vị làm thức ăn. Thân lấy sự trơn láng làm thức ăn. Ý lấy pháp làm thức ăn. Nay Ta cũng nói, Niết-bàn cũng có thức ăn.

A-na-luật bạch Phật:

–Niết-bàn lấy gì làm thức ăn?

Phật bảo A-na-luật:

–Niết-bàn lấy sự không phóng dật làm thức ăn. Nướng vào không phóng dật đến được vô vi.

A-na-luật bạch Phật:

–Tuy nói mắt lấy ngủ nghỉ làm thức ăn, nhưng con không kham ngủ nghỉ.

Bấy giờ, A-na-luật đang vá y phục cũ thì mắt từ từ bị hư hoại, nhưng được Thiên nhân không có tỳ vết. Lúc ấy, A-na-luật dùng pháp thường để vá y phục, nhưng không thể xỏ chỉ qua lỗ kim. A-na-luật liền tự nghĩ: “Các vị đắc đạo A-la-hán trên thế gian hãy xỏ kim cho tôi.

Lúc ấy, Thế Tôn, bằng Thiên nhân thanh tịnh, nghe âm thanh này: “Các vị đắc đạo A-la-hán trên thế gian hãy xỏ kim cho tôi.” Thế Tôn liền đến chỗ A-na-luật bảo rằng:

–Ông đưa kim lại đây Ta xỏ cho.

A-na-luật bạch Phật:

–Vừa rồi con có kêu gọi những ai ở thế gian muốn cầu phước kia, thì hãy xỏ kim cho con.

Thế Tôn đáp:

–Người cầu phước thế gian không có ai hơn Ta. Như Lai đối với sáu pháp không bao giờ nhầm chán. Sao gọi là sáu? Một là bố thí, hai là giáo giới, ba là nhẫn nhục, bốn là thuyết pháp thuyết nghĩa, năm là giúp đỡ chúng sinh, sáu là cầu đạo Vô thượng Chánh chân. Nay A-na-luật, đó gọi là Như Lai đối với sáu pháp này không bao giờ nhầm chán.

A-na-luật bạch:

–Thân Như Lai là Pháp thân chân thật, còn muốn cầu pháp gì nữa? Như Lai đã vượt qua biển sinh tử, lại thoát ái trước, mà nay vẫn đứng đầu trong những người cầu phước!

Thế Tôn bảo:

–Đúng vậy, A-na-luật! Như lời ông nói: “Như Lai cũng biết sáu pháp này mà không bao giờ nhầm chán.” Nếu chúng sinh nào biết những việc làm nơi thân, miệng, ý là nguồn gốc của tội ác, sẽ không bao giờ rơi vào ba đường dữ. Do chúng sinh kia không biết nguồn gốc tội ác nên đọa vào trong ba đường dữ.

Lúc ấy, Thế Tôn liền nói kệ này:

*Lực mà thế gian có
Tồn tại trong trời người
Lực phước là hơn hết
Do phước được thành Phật.*

Cho nên, A-na-luật, hãy tìm cầu phương tiện được sáu pháp này.

Các Tỳ-kheo, hãy học điều này như vậy.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe những điều Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.